

Bản án số: 73/2019/HS-ST

Ngày: 05 - 6 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thuần Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tổng Thị Kim Điền;

Bà Nguyễn Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Vy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Như Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2019, tại phòng Xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 54/2019/HSST ngày 10 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo họ và tên:

Nguyễn Văn Đ, tên gọi khác: M; giới tính: Nam; sinh năm 1988 tại tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã S, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Tổ C, khu phố B, thị trấn N, huyện N, Tp. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): không biết chữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Hồng H; có vợ (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2004; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 30/2017/HSST ngày 27/04/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/12/2017. Bị cáo bắt và tạm giam từ ngày 16/11/2018. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Danh Đ1, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện T, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Đường N, xã X, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Danh Hồng Hà N, sinh năm 1995, địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện T, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Đ thường uống cà phê gần lán trại nơi anh Danh Đ1 làm việc ở huyện N. Khoảng 16 giờ ngày 19/9/2018, Đ biết anh Đ1 đi đón vợ bằng xe máy ở Bến xe A nên tìm cách tiếp cận nhằm chiếm đoạt xe máy. Đ xin đi nhờ xe anh Đ1 từ huyện N đến ngã tư đường L – T. Khi đi đến đường B, phường M, Đ đề nghị anh Đ1 cho chạy thử xe máy hiệu Yamaha Exciter, biển số 68C1 – 432.16. Anh Đ1 đồng ý. Đ chạy xe từ đường B đến ngã tư đường L – Đ, phường P thì cố ý làm rơi dép, tập xe vào lề đường nhờ anh Đ1 nhặt giúp. Anh Đ1 xuống xe quay đi nhặt dép thì Đ tăng ga bỏ chạy. Anh Đ1 vừa đuổi theo, vừa truy hô và được bảo vệ H hỗ trợ bắt giữ Đ cùng xe máy, giao công an phường Tân Phong.

Theo Kết luận định giá tài sản số 403/KL-HĐĐGTTHS ngày 07/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy Ban nhân dân Quận 7: 01 xe máy hiệu Yamaha Exciter, biển số 68C1 – 432.16 có giá trị là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7, Nguyễn Văn Đ khai nhận hành vi phạm tội.

Vật chứng vụ án: chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter, biển số 68C1 – 432.16 là tài sản bị Đ chiếm đoạt. Qua xác minh, xe do anh Danh Hồng Hà N (em vợ anh Danh Đ1) đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Ngày 19/9/2018, anh N cho anh Đ1 mượn xe đi đón vợ thì xảy ra vụ việc. Ngày 23/10/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho anh N.

Về trách nhiệm dân sự: anh Danh Hồng Hà N đã nhận lại chiếc xe máy, không có yêu cầu gì khác.

Bản Cáo trạng số 70/CT-VKSQ7 ngày 09/4/2019 Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Cướp giật tài sản” theo Khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng đã truy tố.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 171; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: người bị hại đã nhận lại tài sản, quá trình điều tra không có yêu cầu gì, tại phiên tòa vắng mặt nên không xét.

Xử lý vật chứng: chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter, biển số 68C1 – 432.16 là tài sản bị chiếm đoạt Cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu là có căn cứ.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản Cáo trạng đã được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận và đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 7, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo tại phiên tòa xét có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo đã có ý định chiếm đoạt chiếc xe máy của anh Danh Đ1 nên giả vờ xin đi nhờ xe, trên đường đi để một mình tiếp cận được chiếc xe, bị cáo đã chủ động tạo ra sơ hở, giả vờ làm rơi dép nhờ anh Đ1 xuống nhặt dùm; khi anh Đ1 vừa xuống xe đi nhặt dép; bị cáo đã nhanh chóng, bất ngờ điều khiển xe tăng ga bỏ chạy. Các hành vi xin đi nhờ, chạy thử xe, chỉ là các thủ đoạn nhằm tiếp cận tài sản lúc này chiếc xe vẫn thuộc quyền sở hữu của anh Đ1, để chiếm đoạt được chiếc xe, bị cáo đã chủ động tạo ra sơ hở, giả vờ làm rơi chiếc dép nhờ anh Đ1 xuống nhặt dùm, khi anh Đ1 rời xe đi nhặt dép bị cáo nhanh chóng chiếm đoạt tài sản và nhanh chóng tẩu thoát. Theo Kết luận định giá tài sản số 403/KL-HĐĐGTTTHS ngày 07/11/2018 của Hội đồng Định giá tài sản trong Tố tụng hình sự Quận 7 kết luận: “*chiếc xe máy hiệu Yamaha Exciter, biển số 68C1 - 432.16 tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 35.000.000 đồng*”. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Cướp giật tài sản” thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Chủ sở hữu tài sản đã nhận lại tài sản, quá trình điều tra không có yêu cầu gì, tại phiên tòa vắng mặt nên không xét.

[5] Xử lý vật chứng: chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter, biển số 68C1 – 432.16 là tài sản bị chiếm đoạt Cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu là có căn cứ.

[6] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Cướp giật tài sản”.

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 171; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Nguyễn Văn Đ 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2018.

2. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu: sổ án, VT, hồ sơ (Vy).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thuần Phong